

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/DS-ST

Ngày: 29-8-2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tân Đê.

2. Bà Phạm Thị Cẩm Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Trúc Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2024/QĐST-DS ngày 08/8/2024, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; địa chỉ: Số B N, phường T, Quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Nhật T và anh Huỳnh Cảnh K; cùng địa chỉ: Số A T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ. *Có mặt.*

2- Bị đơn: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt.*

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1950. *Vắng mặt có người đại diện.*
2. Bà Dương Thị N1, sinh năm 1950. *Vắng mặt có người đại diện.*
3. Anh Lê Văn H, sinh năm 1971. *Vắng mặt có người đại diện.*
4. Chị Lê Thị B, sinh năm 1984. *Vắng mặt có người đại diện.*
5. Anh Lê Văn V. *Vắng mặt.*
6. Chị Lê Thị H1. *Vắng mặt.*

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn N, bà Dương Thị N1, anh Lê Văn H, chị Lê Thị B: Anh Lê Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đại diện nguyên đơn trình bày: Anh Lê Văn Q cùng Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là P) ký hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0907/2011/HĐHM-CN.RG ngày 01/8/2011 vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh thủy sản. Trong quá trình hợp đồng anh Q không thực hiện trả nợ vay theo hợp đồng và các cam kết trả nợ. Anh Q chỉ trả được nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi 11.374.048 đồng. Tính đến ngày 01/3/2021 anh Q còn nợ tổng số tiền 1.231.432.997 đồng, bao gồm nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi 1.081.432.997 đồng. Theo đơn khởi kiện Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ yêu cầu anh Q thanh toán tổng số tiền 1.231.432.997 đồng, bao gồm nợ gốc 150.000.000 đồng và lãi 1.081.432.997 đồng. Anh Lê Văn Q phải tiếp tục thanh toán phần nợ lãi phát sinh từ ngày 02/3/2021 theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng cho vay số 0907/2001/HĐHM-CN.RG ngày 01/8/2011 cho đến khi anh Lê Văn Q thanh toán xong các khoản nợ. Nếu anh Lê Văn Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên và lãi phát sinh thì P sẽ yêu cầu Tòa án buộc anh Lê Văn Q phải giao tài sản chiếu theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ845700, sổ vào sổ 000054 QSDĐ do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày

19/8/2004 cho hộ ông Lê Văn N, thửa đất số 123, 124, tờ bản đồ số 1, diện tích 36.272,7 m², để cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Lê Văn Q vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng trình bày và yêu cầu: Vốn vay 200.000.000 đồng anh Q đã thanh toán xong, hiện tại còn nợ lại khoản lãi 737.721.563 đồng. Ngân hàng yêu cầu anh Q trả số tiền 737.721.563 đồng.

- *Bị đơn là anh Lê Văn Q trình bày:* Thống nhất số tiền Ngân hàng yêu cầu. Do hoàn cảnh khó khăn, khi vay tiền làm ăn không được, cha mẹ bệnh nặng phải điều trị dài hạn, chi phí tốt kém quá hết đường xoay sở nên mới để nợ kéo dài, Ngân hàng có chính sách nào xem xét giảm gia đình.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh Lê Văn V1 và chị Lê Thị H1 vắng mặt phiên tòa lần hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho Ngân hàng số tiền 737.721.563 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Q ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng, nhưng không thanh toán nợ theo hợp đồng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu thanh toán nợ, do đó xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Lê Văn V1 và chị Lê Thị H1 vắng mặt phiên tòa lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí. Các đương sự xác định không thuộc đối tượng ghi trong bảng thông tin trợ giúp pháp lý miễn phí.

[2] Ngày 01/8/2011 anh Lê Văn Q ký hợp đồng vay tiền tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (gọi tắt là P) vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh thủy sản. Trong quá trình thực hiện anh Q vi phạm hợp đồng. Tháng 7/2019 anh Q chỉ trả được nợ gốc 50.000.000 đồng; tháng 11/2021 anh Q trả được vốn 150.000.000 đồng. Tính đến ngày 02/11/2021 anh Q còn nợ tiền lãi 737.721.563 đồng.

Ngân hàng khởi kiện có cung cấp tài liệu, chứng cứ và anh Q cũng thừa nhận số tiền còn nợ nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là sự kiện có thật nên Hội đồng xét xử buộc anh Q trả cho Ngân hàng số tiền này.

Khi anh Q vay tiền, ông Lê Văn N có thể chấp tài sản để bảo đảm thanh toán nợ vay của anh Q. Trường hợp anh Lê Văn Q không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì P được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ845700, số vào sổ 000054 QSDĐ do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/8/2004 cho hộ ông Lê Văn N, thửa đất số 123, 124, tờ bản đồ số 1, diện tích 36.272,7 m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Tuy nhiên, trên đất hiện tại có nhà của chị Lê Thị H1 và nhà của anh Lê Văn V1, 02 căn nhà này có trước thời điểm ông N thế chấp tài sản cho Ngân hàng nên khi phát mãi tài sản trừ ra phần đất có nhà chị Lê Thị H1 ngang 10 mét, dài 30 mét tính từ mé lộ và phần đất có nhà anh Lê Văn V1 ngang 10 mét, dài 30 mét tính từ mé lộ.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí sơ thẩm là 33.508.000 đồng. Yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên anh Q phải chịu án phí sơ thẩm. Hiện tại anh Q gặp sự kiện bất khả kháng không đủ tài sản nộp tiền án phí, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã và anh Q có đơn xin giảm án phí nên Hội đồng xét xử cho anh Q được giảm 50% án phí phải chịu. Án phí anh Q còn phải nộp là 16.754.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Ngân hàng không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 92, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 6, 12, 14, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ đối với anh Lê Văn Q. Buộc anh Lê Văn Q trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 29/8/2024 là 737.721.563 đồng (Bảy trăm ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi một nghìn năm trăm sáu mươi ba đồng).

Trường hợp anh Q không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất số Đ845700, số vào sổ 000054 QSDĐ do UBND huyện A, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 19/8/2004 cho hộ ông Lê Văn N, thửa đất số 123, 124, tờ bản đồ số 1, diện tích 36.272,7 m², tọa lạc tại ấp H, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Khi phát mãi trừ phần đất có nhà chị Lê Thị H1 ngang 10 mét, dài 30 mét tính từ mé lộ và phần đất có nhà anh Lê Văn V1 ngang 10 mét, dài 30 mét tính từ mé lộ.

2- Án phí sơ thẩm: Anh Lê Văn Q phải chịu án phí là 16.754.000 đồng (Mười sáu triệu bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.530.000 đồng (Mười lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005148 ngày 25/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đại diện nguyên đơn; bị đơn là anh Q; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà N1, anh H, chị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H1, anh V1 vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận